ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG DU LỊCH

NGUYỄN VŨ QUỲNH THI

NGHIÊN CỨU KHAI THÁC CÁC DI SẢN KIẾN TRÚC PHÁP PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở HUẾ: GÓC NHÌN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngành: Du lịch
Mã số: 9810101

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ DU LỊCH

HUẾ, 2026

Công trình được hoàn thành tại

Trường Du Lịch - Đại Học Huế

Người hướng dẫn 1: **PGS.TS. Bùi Thị Tám**

Người hướng dẫn 2: **TS. Mai Lệ Quyên**

Phản biện 1: .....

.....

Phản biện 2: .....

.....

Phản biện 3: .....

.....

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Đại học Huế họp tại .....

.....

Vào hồi giờ ……. ngày…….. tháng…… năm……

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện: .....

PHẦN I. MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh cạnh tranh thị trường du lịch ngày càng gia tăng thì các nổ lực có tính chiến lược nhằm gia tăng khả năng thu hút của điểm đến trở thành một trong những yếu tố then chốt quyết định sự phát triển của các điểm đến du lịch. Trong đó, sự hợp tác các bên liên quan (BLQ) có vai trò chủ đạo đối với thành công hay thất bại của các điểm đến (Amoako và nnk., 2022). Các nghiên cứu tiền nhiệm cũng cho rằng để đạt được các mục tiêu bền vững vững trong phát triển quản lý và khai thác các giá trị di sản PTDL đòi hỏi sự tham gia và hợp tác của tất cả BLQ của điểm đến đòi hỏi sự tham gia và hợp tác của tất cả BLQ của điểm đến, dựa trên cơ chế quản trị hợp lý có thể thiết lập mối quan hệ chặt chẽ và hiệu quả giữa BLQ đảm bảo họ tham gia vào quá trình quản lý điểm đến (Byrd, 2007). Kisić, 2014; Cruz, 2022; Ferreira và nnk., 2023; Nam & Thanh, 2024). Nhiều nghiên cứu đề cập đến những thay đổi trong vai trò chính phủ và hiện thức hóa các mục tiêu chung của tác nhân công tư. Hơn nữa để thai thác các giá trị di sản PTDL thì cần có các yếu tố hiện hữu về cung và cầu dịch vụ đối với du lịch di sản. Chỉ khi có sự hiện hưu của cung và cầu thị trường thì mới có cơ hội thành công các chiến lược và chương trình phát triển du lịch di sản. Về mặt thực tiễn, cố đô Huế trong thời kỳ Pháp thuộc đã được quy hoạch, xây dựng một cách bài bản và khoa học (Dũng, 2020). Đặc biệt, nhiều công trình kiến trúc Pháp (KTP) được xây dựng với sự đa dạng, phong phú về phong cách kiến trúc tạo nên một quỹ di sản kiến trúc có giá trị ở Huế. Chúng không những không 'xâm phạm' vẻ đẹp của tổng thể kiến trúc Huế mà còn có thể được xem là một mảnh ghép lịch sử tô điểm thêm nét độc đáo của mảnh đất Cố đô Huế, cần được khai thác PTDL.

Từ những luận điểm trên, luận án "***Nghiên cứu khai thác các di sản kiến trúc Pháp phục vụ phát triển du lịch ở Huế: góc nhìn của các bên liên quan***" được lựa chọn thực hiện. Kết quả nghiên cứu được kỳ vọng đóng góp và làm giàu kho liệu nghiên cứu liên quan, cũng như cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn góp phần khai thác các giá trị di sản kiến trúc Pháp phục vụ phát triển du lịch (DSP PTDL) ở Huế với tư cách là đô thị du lịch di sản

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu chính của luận án là tiếp tục hoàn thiện khung nghiên cứuphân tích làm rõ về cơ chế hợp tác, vai trò giữa BLQ trong khai thác các di sản PTDL, cung cấp cơ sở khoa học cho việc di sản xây dựng từ đó đề xuất các chiến lược và giải pháp nhằm khai thác và phát huy tối ưu loại hình du lịch di sản cho các giá trị DSP phục vụ phát triển điểm đến du lịch tại thành phố Huế

3. Câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu này tập trung làm rõ một số câu hỏi cơ bản sau:

Thứ nhất, liệu có thể xây dựng được một mô hình quản lý và khai thác di sản vừa mang tính tích hợp đảm bảo giải quyết hài hòa mối quan tâm/lợi ích của BLQ vừa có tính linh hoạt về phân cấp, phân quyền trong quản trị di sản phù hợp với các đặc thù về loại hình di sản và bối cảnh quản lý cụ thể?

Thứ hai, với tư cách là yếu tố cơ bản trong phát triển du lịch di sản thì thị trường du lịch di sản cần được nhận diện và phân loại như thế nào để làm cơ sở cho việc hoạch định chiến lược phát triển sản phẩm và marketing du lịch di sản một cách khoa học và hợp lý?

Thứ ba, cần có các giải pháp và khuyến nghị chính sách cụ thể nào để thúc đẩy vai trò của BLQ trong quản lý khai thác các di sản kiến trúc Pháp PTDL ở Huế?

4. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu mô hình hợp tác giữa BLQ có tác động đến quá trình khai thác DSP PTDL ở Huế

- Đối tượng khảo sát: Đại diện BLQ trong khai thác các DSP PTDL tại Huế, gồm bốn nhóm cụ thể:
  - Chính quyền địa phương
  - Công ty du lịch
  - Người dân
  - Du khách

5. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung nghiên cứu luận án tập trung làm rõ quan hệ hợp tác giữa BLQ và cùng các yếu tố cơ bản tác động đến việc thực hiện vai trò của BLQ trong quản lý và khai thác DSP ở Huế.

- Về không gian: nghiên cứu tập trung vào các công trình KTP ở thành phố Huế. Cũng cần chú ý rằng, từ ngày 01/01/2025 thành phố Huế trở thành thành phố trực thuộc trung ương với địa giới hành chính gồm toàn bộ tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong khi đó, tên gọi thành phố Huế sử dụng trong đề tài luận án của tác giả (theo Quyết định số 915/QĐ-ĐHH ngày 03 tháng 7 năm 2024 của giám đốc Đại học Huế) vẫn được giữ nguyên với tư cách là thành phố thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Về thời gian: chuyên đề tập trung vào nghiên cứu các công trình KTP có mặt tại Huế từ sau năm 1884, với các nguồn số liệu khai thác được từ các nguồn liên quan, đảm bảo độ tin cậy và giá trị khoa học. Nguồn thông tin và số liệu sơ cấp được thu thập trong khoảng thời gian từ tháng 4/2024 đến tháng 12 năm 2024.

PHẦN II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU
CHƯƠNG I. CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ KHAI THÁC DI SẢN TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH

1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1.1. Di sản và di sản kiến trúc

Di sản là một từ có nhiều nghĩa, hầu hết liên quan đến cách giải thích chung của nó là "đó là kế thừa từ quá khứ "(Herbert,1995, tr10). Thuật ngữ 'di sản' đã được sử dụng liên quan đến thế giới tự nhiên, đề cập đến núi và sông, các tòa nhà và di tích, nghệ thuật, và phong tục và truyền thống xã hội. Di sản còn có thể hiểu là hoạt động "làm sáng tỏ quá khứ để truyền tải chúng cho những mục đích ở hiện tại" (Lowenthal, 1998, tr.15).

Di sản kiến trúc hình thành với những nhu cầu, chức năng của thành phố qua các giai đoạn lịch sử. Di sản kiến trúc trở thành nơi lưu giữ văn hóa cũng đồng thời là nơi phản ánh mô hình chức năng về ký ức của không gian thành phố (Shuyi và nnk, 2023).

1.1.2. Du lịch văn hóa và động cơ du lịch văn hóa

1.1.2.1.Khái niệm du lịch văn hóa

Về mặt không gian địa lý, du lịch văn hoá bao gồm cả du lịch ở khu vực thành thị, nhất là các thành phố lịch sử hoặc di sản, hoặc du lịch ở nông thôn gắn với truyền thống của các cộng đồng bản xứ, các giá trị và lối sống của hoặc những địa phương điểm đến gắn liền với du lịch công nghiệp, du lịch sáng tạo…(Graham, 2001; Timothy & Nyaupane, 2009; Farmaki, 2019a).

1.1.2.2.Động cơ du lịch văn hóa

Hiểu được các mức độ của động cơ học hỏi cho phép khám phá các mức độ và khía cạnh khác nhau của nhu cầu du lịch văn hóa, làm cơ sở cho việc đa dạng hóa các gói dịch vụ trải nghiệm khác nhau. Các thảo luận về sự gia tăng của thị trường du lịch văn hóa và nhu cầu trải nghiệm văn hóa của du khách đã chỉ ra tầm quan trọng của các gói sản phẩm du lịch di sản dựa trên quan điểm khách hàng và đồng sáng tạo giá trị, đồng thời cần quan tâm đúng mức tới những thách thức của du lịch văn hóa đại trà (Vong & Ung, 2012; García-Hernández và nnk., 2017; Richards, 2018).

1.1.3.Du lịch di sản và động cơ du lịch di sản

1.1.3.1. Khái niệm du lịch di sản

Du lịch di sản được xem như những chuyến đến thăm di tích lịch sử, địa danh văn hóa, tham dự các sự kiện và lễ hội đặc biệt, ngắm nhìn đường phố với các buổi biểu diễn hoặc thăm các viện bảo tàng (McKercher & du Cros, 2015). Nghiên cứu đã chỉ ra rằng du lịch di sản là một cách tham gia vào bất kỳ những chuỗi hoạt động hoặc trải nghiệm không giới hạn ở đó không gian văn hóa là một trong những điểm hấp dẫn của du lịch di sản, người tham gia trải nghiệm có thể được hiểu là khách du lịch di sản". Quy

mô tham quan của du lịch di sản có thể thay đổi từ một tòa nhà, đến một cụm tòa nhà, một cảnh quan đường phố, một khu vực trong một quần thể, toàn bộ thành phố hoặc thị trấn, một khu vực hoặc có thể cho là toàn bộ quốc gia (Bob McKercher and Hilary du Cros, 2002).

1.1.3.2. Động cơ du lịch di sản

Dựa trên các động cơ thúc đẩy hành vi du lịch di sản, có thể lập luận rằng mỗi cá nhân sẽ có những kỳ vọng khác nhau đối với chuyến đi của mình. Điều này hàm ý sự tồn tại của các phân khúc khách hàng và thị trường rõ rệt, trong đó một số du khách tìm kiếm yếu tố giải trí, trong khi những người khác lại ưu tiên giá trị giáo dục mà trải nghiệm di sản mang lại (Soliman và nnk., 2023; Poria và nnk., 2006). Việc thấu hiểu các động cơ này sẽ hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách và những người làm công tác thực tiễn trong việc thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch phù hợp, từ đó đáp ứng hiệu quả nhu cầu đa dạng của du khách.

1.1.4. Sản phẩm và cấu trúc sản phẩm dịch vụ du lịch

Theo Kotler và cộng sự (2006) thì sản phẩm dịch vụ du lịch được chia thành 4 cấp độ:

- Sản phẩm chính hay lõi sản phẩm.
- Sản phẩm chức năng.
- Sản phẩm bổ trợ/bổ sung.
- Sản phẩm mở rộng, sản phẩm gia tăng.

1.1.5. Sản phẩm điểm đến du lịch

Theo Morrison (2013) có hai quan niệm phản ánh nên một sản phẩm điểm đến bao gồm cách mà khách hàng cảm nhận sản phẩm điểm đến và bản thân sản phẩm điểm đến. Trong đó, bản thân sản phẩm điểm đến sẽ được cấu thành bởi hai yếu tố hữu hình và vô hình. Đồng ý với quan điểm thứ hai, Morrison cho rằng: "sản phẩm điểm đến là sự kết hợp điểm đến hoặc sự tương tác các yếu tố. Tất cả các yếu tố phải tạo ra trải nghiệm thỏa mãn cho khách du lịch bao gồm năm yếu tố: các điểm tham quan và sự kiện, cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, giao thông và sự hiếu khách" (Morrison, 2013, tr.156).

1.2. Quản lý và khai thác di sản trong phát triển du lịch

1.2.1. Quyền sở hữu di sản

Theo luật di sản Việt Nam ban hành ngày 29/6/2001 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nêu (Luật di sản Việt Nam, 2001)

Di sản văn hóa tại Việt Nam có tính đa sở hữu, trong đó nhà nước có vai trò quan trọng giúp cộng đồng và người dân lưu giữ, khai thác di sản văn hóa. Trên nguyên tắc, chủ thể sáng tạo là chủ sở hữu và cũng là những người khai thác, lưu giữ các di sản văn hóa Việt Nam. Nhà nước hay các bộ, ngành quản lý văn hóa, các cơ quan nghiên cứu có tư cách đại diện của chủ thể thực hiện

các công việc có liên quan tới việc kiểm kê trữ lượng di sản, nghiên cứu và nhận diện các dạng thức di sản, tổ chức bảo vệ và khai thác nguồn di sản văn hóa này.

1.2.2. Quản trị và quản lý khai thác di sản

1.2.2.1. Quản lý khai thác di sản

Quản lý khai thác di sản là một nỗ lực đa diện, nhấn mạnh quản lý nhà nước đối với di sản, và sự thành công hay thất bại của nó phụ thuộc vào mối quan hệ phức tạp giữa các yếu tố khác nhau ảnh hưởng đến nó như sự tham gia của các bên liên quan, chính sách, tài chính…(Seile, 2025). Mỗi quốc gia có khuôn khổ pháp lý và luật riêng được thiết kế để bảo vệ di sản của mình.

1.2.2.2. Quản trị trong khai thác di sản

Quản trị di sản có sự tham gia đã trở nên nổi bật trong lĩnh vực chính sách công và quản lý. Nền tảng của quản trị có sự tham gia là ưu tiên và thúc đẩy sự tham gia trực tiếp của công dân vào các quá trình ra quyết định công. Tầm quan trọng ngày càng tăng của các phương pháp tiếp cận có sự tham gia phù hợp với sự phát triển của khái niệm quản trị trong bối cảnh hành chính công hiện nay (Bouckaert, 2017; Marafa và nnk., 2019; Ferreira và nnk., 2023). Mối liên hệ xuyên thời gian và không gian khiến di sản trở thành một công cụ kiến tạo nên những quy tắc được thống nhất cho một cộng đồng, và việc xác định di sản văn hóa có thể được coi là một hành động chính trị.

1.2.3. Các dạng quản lý khai thác các di sản

Các dạng thức quản trị này được vận hành trên quan điểm rằng di sản không chỉ được quản lý như tài sản hữu hình, mà còn là một quá trình của các động thái văn hóa xã hội (Rhodes, 2007; Kisić, 2014; Rudenko & Polyvach, 2018; Seila và nnk., 2025). Theo đó, tùy cách thức tiếp cận khác nhau để có dạng thức quản lý phù hợp, có thể tổng được khái quát theo một số mô hình sau:

- *Mô hình chuỗi giá trị di sản (Heritage Value-Chain Model)*
- *Mô hình đa thành tố quản trị di sản (Governance Dimensions)*
- *Mô hình quản trị đa tâm có sự tham gia (Participatory and Polycentric Models)*
- *Khung di sản văn hóa sinh học (Biocultural Heritage Frameworks)*

1.2.4. Mối quan hệ giữa quản lý di sản và phát triển du lịch

Trong quá trình bảo tồn di sản sự tham gia của cộng đồng bao gồm sự hợp tác giữa các thành viên cộng đồng nhằm đạt được các mục tiêu chung là cần thiết, cải thiện cộng đồng địa phoɹơng và theo đuổi lợi ích cá nhân (McCloskey và nnk, 2011).

1.3. Các bên liên quan trong khai thác di sản phục vụ du lịch

1.3.1. Các bên liên quan trong du lịch

Kể từ công trình đầu tiên của Freeman's về BLQ, lý thuyết BLQ đã được đưa vào tài liệu quản lý kinh doanh (Clarkson 1995; Donaldson & Preston 1995; Jones 1995). Freeman (1984, tr. 46) đã định nghĩa bên liên quan (*a stakeholder*) là "bất kỳ nhóm hoặc cá nhân nào có thể ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng bởi việc đạt được hoặc các mục tiêu của tổ chức". Một số nghiên cứu khác cho thấy muốn quản lý và khai thác tốt di sản cần sự hợp tác hiệu quả giữa tất cả BLQ: chính phủ, cư dân cộng đồng, du khách, người kế thừa, doanh nghiệp du lịch tư nhân, chuyên gia và các tổ chức phi chính phủ (NGO) (Chen, 2022; Katelieva và nnk., 2020; Kim, Whitford, & Arcodia, 2019; Tan và nnk., 2018).

1.3.2. Vai trò các bên liên quan trong khai thác di sản phục vụ phát triển du lịch

Chính quyền địa phương: Trong tiến trình quản lý phát triển du lịch nói chung và khai thác các di sản phục vụ du lịch nói riêng thì các cơ quan chính quyền với trách nhiệm chủ thể quan trọng trong tiến trình thiết lập và duy trì các nổ lực và quan hệ hợp tác giữa các bên (Tám và nnk., 2024; Li, Y. và nnk., 2020; Li, J. và nnk., 2020).

Các doanh nghiệp du lịch và các doanh nghiệp liên quan: Các doanh nghiệp du lịch dịch vụ là những chủ thể chính tham gia vào hoạt động cung cấp sản phẩm du lịch tới thị trường, đồng thời tạo ra việc làm và cơ hội sinh kế cho cộng đồng địa phương. Theo Ramukumba (2014), các doanh nghiệp du lịch đã cho phép các doanh nhân có hoàn cảnh khó khăn tìm được sinh kế và nâng cao mức sống của họ.

Cộng đồng địa phương: Sự tham gia của cộng đồng có thể được thực hiện dưới nhiều dạng thức và mức độ, có thể trực tiếp tham gia vào việc hoạch định và chiến lược và kế hoạch bảo tồn và phát huy các giá trị di sản, hay thông qua các doanh nghiệp tư nhân do người ngoài điều hành, các doanh nghiệp do doanh nhân địa phương điều hành, các doanh nghiệp cộng đồng, các liên doanh giữa cộng đồngvà khu vực tư nhân, và các cơ quan lập kế hoạch du lịch (Li và nnk., 2020; Nagarjuna, 2015).

- ***Khách du lịch:***. Họ trải nghiệm sản phẩm du lịch di sản, hiểu thêm về văn hóa, lịch sử địa phương điểm đến, trải nghiệm và phản hồi về các giá trị di sản… là những hoạt động du lịch mà qua đó du khách thực hiện vai trò của mình đối với tiến trình bảo tồn và phát huy các giá trị di sản. Bên cạnh đó, du khách còn có thể mua quà lưu niệm, trải nghiệm ẩm thực của điểm đến, ngắm cảnh, quan sát cuộc sống địa phương điểm đến…. (Andrew và nnk, 2020).

1.3.3. Các tiêu chí tăng cường hợp tác giữa các bên liên quan

Hợp tác đa chủ thể

Hoàn thiện hệ thống đào tạo, đãi ngộ

Thúc đẩy sự tham gia

Tăng cường vai trò của các bên liên quan

1.3.4. Đồng sáng tạo giá trị trải nghiệm trong du lịch di sản

Đồng sáng tạo giá trị đề cập đến quá trình hợp tác trong đó cả nhà cung cấp dịch vụ và khách hàng cùng tích cực tham gia vào việc tạo ra và nâng cao giá trị thông qua các tương tác và gắn kết của họ (Jeong & Kim, 2020).

1.4. Tổng quan các xu hướng nghiên cứu liên quan

1.4.1.Các xu hướng hướng nghiên cứu ngoài nước

Nhóm nghiên cứu về du lịch di sản

Nhóm nghiên cứu về mối quan hệ các bên liên quan trong du lịch di sản

Nhóm nghiên cứu về du lịch di sản gắn với phát triển bền vững

1.4.2. Tổng quan nghiên cứu trong nước

1.5. Các khoảng trống nghiên cứu

Tổng quan nghiên cứu cho phép khái quát một số khoảng trống nghiên cứu về công tác quản lý di sản và khai thác di sản PTDL như sau:

- Thứ nhất, tổng lược các nghiên cứu cho thấy trong những năm gần đây các công trình nghiên cứu về di sản và du lịch di sản ngày càng nhiều, với mối quan tâm ngày càng gia tăng liên quan đến nhiều khía canh khác nhau. Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu mô hình lý thuyết hoặc khung phân tích mang tính tích hợp, phù hợp với bản chất đa diện và phức hợp của các vấn đề khai thác và phát huy giá trị di sản PTDL là thực sự cần thiết.
- Thứ hai, mặc dù sự quan tâm học thuật đến quản lý di sản ngày càng gia tăng, đặc biệt trong bối cảnh đô thị hóa nhanh và áp lực tái thiết không gian lịch sử, các bằng chứng thực nghiệm về vai trò và hiệu quả tham gia của cộng đồng địa phương vẫn còn tương đối hạn chế. Lý thuyết quản trị di sản đòi hỏi một mô hình tham gia đa bên để phát triển du lịch, vượt ra ngoài khuôn khổ phân cấp quản lý theo các thứ bậc truyền thống.
- Thứ ba, trong khi du lịch văn hóa đã được công nhận là một trong những loại hình du lịch phát triển mạnh trên toàn cầu, việc phân loại thị trường và hiểu nhu cầu khách du lịch văn hóa vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh các điểm đến ở châu Á như Việt Nam. Do đó, cần có thêm các bằng chứng thực nghiệm xem xét phân loại thị trường du lịch di sản, góp phần gia tăng hiểu biết chung cũng như các hàm ý quản trị hữu ích

cho hoạt động marketing điểm đến.

CHƯƠNG 2: ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1.ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

2.1.1. Khái quát về tình hình du lịch Huế

Được biết đến như là một điểm đến du lịch giàu tài nguyên du lịch và là thành phố festival của Việt Nam, thành phố Huế mang trong mình 8 di sản thế giới được UNESCO ghi danh, trở thành thành viên chính thức của mạng lưới di sản quốc tế. Đề án "*Phát triển du lịch, dịch vụ du lịch thành phố Huế giai đoạn 2025 – 2030, tầm nhìn 2045*" đã nhấn mạnh '…với các lợi thế về văn hóa, lịch sử và cảnh quan thiên nhiên, Huế đang sở hữu tiềm năng lớn để phát triển thành một đô thị đẳng cấp theo hướng đô thị di sản'. Huế cũng là một trong số các địa phương có ngành du lịch tăng trưởng ổn định và đang từng bước khẳng định là ngành kinh tế mũi nhọn.

2.1.2. Khái quát về di sản kiến trúc Pháp

Sau sự kiện quân Pháp tấn công đánh chiếm Thuận An, cửa ngõ vào kinh đô Huế, triều đình nhà Nguyễn đã ký với Pháp hiệp ước Harmand năm 1883 với việc nước Đại Nam thừa nhận nên bảo hộ của nước Pháp, nước Pháp sẽ thay mặt nước Đại Nam trong mọi quan hệ đối ngoại. Để phục vụ cho các mục đích sử dụng khác nhau, người Pháp lần lượt đặt ách đô hộ của mình bằng việc xây dựng nhiều công trình kiến trúc (Đảm, 2001). Lúc đầu người Pháp chỉ xây dựng ở đây một tòa nhà duy nhất dành cho đại diện nước Pháp đầu tiên (chưa gọi là resident – khâm sứ mà gọi là legation – trụ sứ). Người Pháp cử đến Huế ông Rheinart des Essart cùng một số ít nhân viên thuộc hạ (Xuân, 1996). Ông chọn một địa điểm thuận lợi nằm ngay trên bờ Nam sông Hương đối diện với tòa Thương Bạc để xây dựng tòa sứ. Toà sứ tọa lạc trên lô đất hình vuông mỗi bên khoảng 200m. Đây là cơ quan hành chính đầu tiên trên bờ nam sông Hương đối diện kinh thành Huế. Từ đây các hệ thống công sở, dinh thự, phố xá tiếp tục hình thành (Đảm, 2001)

2.1.3. Quá trình mở rộng đô thị về phía Nam sông Hương: khu phố "Tây"

Theo nghiên cứu của Lương Lan Phương: "Từ vị trí tòa sứ, người Pháp ở rộng sự xây dựng về phía Nam và phía Tây (khu An Cựu, Phú Cam, Ga Huế). Cho đến cuối thế kỷ XIX, người Pháp đã lập nên một khu vực kiến trúc biệt lập ở bờ nam sông Hương đối diện với khu đô thị cổ của triều đình nhà Nguyễn" (Phương, 2018). Theo bản đồ Huế năm 1885 cho thấy các công trình lúc bấy giờ chủ yếu tập trung phía Bắc sông Hương. Trong đó kinh thành Huế được quy hoạch bài bản và hoàn thiện. Mặt khác phía bờ Nam sông Hương gần nhưu chưa có công trình rõ ràng. Công trình đầu tiên ở phía bờ Nam là tòa khâm sứ được xây dựng năm 1876 (vị trí trường Đại

học Sư phạm Huế ngày nay) . Đến năm 1964 – 1968 cấu trúc đô thị Huế ở bờ Nam sông Hương đã hình thành khá rõ ràng. Một số công trình kiến trúc được xây mới hay mở rông thêm. Xây thêm khối nhà chữ Y ở vị trí tòa Khâm Sứ cũ. Một số công trình kiến trúc khác được xây dựng mở rộng. Một số trục giao thông đã được xây dựng qua sự kéo dài của một số trục đường tạo nên một hệ thống giao thông hoàn chỉnh đặc biệt là khu vực tam giác Lê Lợi, Nguyễn Huệ và Hùng Vương (Tùng & nnk, 2021). Trong khoảng 80 năm (1875 – 1954) người Pháp đã xây dựng cho Huế một đô thị hoàn thiện nằm bên bờ Nam sông Hương. Khu phố Tây – mô hình đô thị nhỏ được xây dựng theo lối kiến trúc mới đã tồn tại song song cùng kiểu đô thị truyền thống trong một thời gian dài. Theo thời gian nó trở thành một khu phố cổ mang phong cách kiến trúc châu Âu (Phương, 2018).

2.2.PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thứ nhất, trường hợp cần thể hiện rõ tính biến đổi và mức độ phức hợp của quá trình bảo tồn – khai thác di sản, qua đó cho phép khảo sát sâu các tương tác đa chiều giữa bảo tồn, phát triển đô thị và sự tham gia của các chủ thể xã hội khác nhau. Thứ hai, trong bối cảnh này, Huế – một thành phố đã được thiết chế hóa mạnh mẽ như một "thành phố di sản" với hệ thống di sản triều Nguyễn giữ vị thế chi phối – cung cấp một không gian nghiên cứu đặc biệt phù hợp. Nhiều công trình kiến trúc Pháp tại Huế hiện nay đã và đang bị chuyển đổi công năng, thay thế hoặc can thiệp theo hướng ưu tiên nhu cầu sử dụng ngắn hạn, phản ánh rõ những căng thẳng giữa bảo tồn, khai thác và phát triển. Việc lựa chọn trường hợp này đồng thời mang tính cơ hội và thực tiễn, phù hợp với nguồn lực nghiên cứu sẵn có, khả năng tiếp cận hiện trường và mạng lưới xã hội của nhà nghiên cứu, qua đó tạo điều kiện thu thập dữ liệu chuyên sâu và đa chiều.

Một lý do quan trọng khác thúc đẩy cho sự lựa chọn di sản kiến trúc Pháp tại Huế làm trường hợp nghiên cứu xuất phát từ sự gắn bó cá nhân, truyền thống nghề nghiệp của người thân trong gia đình gắn với lĩnh vực di sản. Bên cạnh đó, trải nghiệm học tập tại Paris cách đây hơn năm năm đã tạo ra một bước ngoặt trong nhận thức của tác giả về di sản đô thị. Paris, như một thành phố di sản tiêu biểu của châu Âu, cho thấy cách người dân có thể tự hào và chủ động duy trì sự hiện diện của nhiều lớp di sản khác nhau trong đời sống đô thị. Trải nghiệm này khiến tôi liên tục đặt câu hỏi: Huế cũng là một thành phố di sản và có nhiều điểm tương đồng nhất định về cấu trúc đô thị lịch sử, nhưng vì sao một số lớp di sản – đặc biệt là di sản kiến trúc Pháp – lại đang dần bị che mờ và rơi vào tình trạng bị lãng quên. Có thể nói, di sản kiến trúc Pháp ở Huế được lựa chọn như một trường hợp nghiên cứu điển hình để lý giải cơ chế hình thành, vận hành phát huy giá trị

phục vụ phát triển du lịch, hay bị suy giảm trong lãng quên của một lớp ký ức di sản trong bối cảnh đô thị di sản đương đại***2.2.2.Quy trình nghiên cứu***

Nghiên cứu được thực hiện tại thành phố Huế, áp dụng phương pháp hỗn hợp với quy trình chặt chẽ qua tám bước. Trước hết, xác định vấn đề nghiên cứu nhằm làm rõ mục tiêu, phạm vi và định hướng tiếp cận của đề tài. Trên cơ sở đó, tổng lược tài liệu được tiến hành để hệ thống hóa các nghiên cứu liên quan, qua đó nhận diện khoảng trống nghiên cứu và hình thành nền tảng lý thuyết cho đề tài. Tiếp theo, xây dựng mô hình nghiên cứu được thực hiện nhằm định hướng cho toàn bộ quá trình thu thập và phân tích dữ liệu. Song song với bước này, thảo luận với chuyên gia và phỏng vấn thử các bên liên quan được triển khai để đánh giá tính phù hợp của mô hình nghiên cứu, đồng thời điều chỉnh các khái niệm và biến đo lường cho phù hợp với bối cảnh thực tiễn. Sau khi tiếp thu và tổng hợp các ý kiến phản hồi, hoàn thiện danh mục nội dung phỏng vấn sâu và bảng hỏi nhằm bảo đảm tính rõ ràng, đầy đủ và khả năng thu thập thông tin cần thiết. Tiếp đó, tiến hành phỏng vấn sâu và điều tra thu thập dữ liệu theo kế hoạch nghiên cứu đã được xác lập. Cuối cùng, dữ liệu thu thập được mã hóa một cách có hệ thống, từ đó phục vụ cho công tác xử lý, tiếp theo là phân tích và tổng hợp dữ liệu nhằm rút ra các kết quả nghiên cứu, làm cơ sở cho việc thảo luận và đề xuất các hàm ý khoa học cũng như thực tiễn.

2.2.3. Phương pháp thu thập dữ liệu

2.2.3.1. Thông tin, dữ liệu thứ cấp

Các nguồn dữ liệu thứ cấp, các chính sách, tài liệu lịch sử liên quan đến di sản kiến trúc Pháp tại Huế được thu thập từ các nguồn tư liệu thông tin của các tổ chức, cơ quan nhà nước, và các nhà nghiên cứu lịch sử, các học giả thuộc lĩnh vực nghiên cứu này.

2.2.3.2. Thông tin, dữ liệu sơ cấp

- Thu thập thông tin định tính

Để đạt được mục tiêu của nghiên cứu này, câu hỏi nghiên cứu chính là: Sự tham gia của BLQ ảnh hưởng thế nào đến quá trình khai thác DSP? Do đó, chúng tôi đã áp dụng một thiết kế nghiên cứu định tính đã được chứng minh trong các bối cảnh khác nhau để xây dựng lý thuyết (Winn, 2001). Nghiên cứu định tính được ưu tiên do bản chất khám phá của nghiên cứu này, mang đến cơ hội khám phá sâu hơn nhận thức và kinh nghiệm (Hennink và nnk, 2020) về DSP và vai trò của BLQ khi tham gia khai thác di sản. Chúng tôi chia những người phỏng vấn làm thành hai nhóm

Nhóm đầu tiên là nhóm nhà quản lý, cộng đồng cư dân địa phương những người sống ở Huế. Nhóm thứ hai là nhóm công ty du lịch là khách du lịch, đây là nhóm tác giả lựa chọn đã từng đến Huế tham quan hoặc đang tham quan tại Huế

- Thu thập thông tin định lượng

Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp bằng bảng hỏi cấu trúc được thực hiện với hai nhóm đối tượng, gồm: công ty du lịch và khách du lịch (du khách đang đi du lịch tại Huế). Do những đặc điểm và thuộc tính cụ thể của những người tham gia cần thiết để trả lời câu hỏi nghiên cứu và đạt được mục đích nghiên cứu, chúng tôi đã áp dụng kỹ thuật lấy mẫu lăn cầu tuyết (Hennink và nnk., 2020) để lựa chọn những người tham gia cho nghiên cứu này. Sử dụng phương pháp này, người tham gia đầu tiên từ mối quan hệ chuyên môn của tác giả được yêu cầu giới thiệu những người tham gia tiềm năng đáp ứng các tiêu chí đủ điều kiện và có thể quan tâm đến việc cung cấp thông tin hữu ích về kinh nghiệm quản lý bên liên quan của họ.

2.2.4. Phương pháp phân tích dữ liệu

2.2.4.1. Dữ liệu định tính – phân tích theo chủ đề

Phân tích theo chủ đề, là một hình thức phân tích mã hóa định tính, đã được áp dụng. Nó hỗ trợ phát triển các chủ đề cấp độ sâu hơn so với các mã cấp độ bề mặt đơn thuần (Bryman, 2012) và cho phép nhà nghiên cứu dành nhiều thời gian cho dữ liệu, khám phá những chủ đề thực sự xuất hiện, thay vì phản ánh niềm tin của chính nhà nghiên cứu (Fielding & Warnes 2009; Matthew & Sutton, 2011).

2.2.4.2. Phân tích dữ liệu định lượng

Phương pháp phân tích thống kê mô tả được sử dụng chủ yếu để xử lý và phân tích số liệu thu thập từ khảo sát, gồm thống kê tần suất (Frequency), tỷ lệ phần trăm (Percentage) và giá trị trung bình (Mean).

Phương pháp phân tích phương sai đơn biến (ANOVA) cùng với các kiểm định thống kê như (T-test, Chi-squared test…) được sử dụng để phân tích so sánh ý kiến đánh giá giữa các nhóm đối tượng khác nhau, dựa trên các tiêu chí phân loại cụ thể. Toàn bộ dữ liệu được xử lý trên phần mềm SPSS phiên bản 28.0.

Giả thuyết kiểm định được đặt ra như sau:

H_0: $\alpha 1 = \alpha 2 = \ldots = \alpha n$ (không có sự khác biệt về mặt thống kê giữa các nhóm)

H_1: Có ít nhất một nhóm khác biệt về mặt thống kê ($\alpha 1 \neq \alpha 2 \neq \ldots \neq \alpha n$)

Khi giá trị $P > 0,05$, giả thuyết H_0 được chấp nhận, nghĩa là không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm. Ngược lại, nếu sig. $\leq 0,05$ thì bác bỏ H_0, chấp nhận H_1, tức là tồn tại sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm.

Tuy nhiên, kết quả phân tích cơ bản chỉ xác định có hay không sự khác biệt giữa các nhóm mà không chỉ ra nhóm nào khác nhau như thế nào. Do đó, để làm rõ chi tiết các khác biệt này, phương pháp phân tích sâu

ANOVA (post hoc test) được sử dụng với Bonferroni test để phân tích so sánh sự khác nhau giữa các nhóm.

Kiểm định điều kiện trước phân tích ANOVA: Trước khi tiến hành ANOVA, kiểm định Levene được áp dụng để kiểm tra tính đồng nhất phương sai giữa các nhóm. Nếu giả thuyết phương sai đồng nhất được chấp nhận, kỹ thuật phân tích ANOVA thông thường được sử dụng. Trường hợp phương sai không đồng nhất, kiểm định Welch test và Games-Howell post hoc test được áp dụng như là phương pháp thay thế để kiểm tra sự khác biệt giữa các nhóm, từ đó giúp làm sáng tỏ các vấn đề nghiên cứu.

2.3. Đề xuất mô hình quản lý khai thác các di sản phục vụ PTDL

2.3.1. Các lý thuyết nền liên quan

- Lý thuyết các bên liên quan
- Lý thuyết về ký ức tập thể

2.3.2. Đề xuất khung phân tích khai thác các di sản PTDL

Đầu tiên là chính quyền địa phương
Thứ hai là các doanh nghiệp du lịch
Thư ba là cộng đồng địa phương,
Cuối cùng khách du lịch

CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1.Thực trạng hợp tác của các bên liên quan trong quản lý và khai thác di sản kiến trúc Pháp ở Huế

3.1.1. Nhận thức về di sản Huế và di sản kiến trúc Pháp

Để xác định được nhận thức của BLQ về các công trình KTP, những người tham gia phỏng vấn được tìm hiểu ý kiến và nhận thức của họ về di sản Huế và các công trình KTP. Một phát hiện thú vị đầu tiên là nhận thức về di sản Huế. Khi được hỏi nghĩ gì về di sản Huế, tất cả các đáp viên thuộc tất cả các nhóm đối tượng tham gia phỏng vấn đều trả lời rằng hình ảnh đầu tiên họ nghĩ về di sản Huế là các công trình kiến trúc nhà Nguyễn

3.1.2. Hiện trạng quản lý và khai thác các công trình di sản kiến trúc Pháp trong phát triển du lịch

3.1.2.1. Thực trạng các công trình di sản kiến trúc Pháp hiện nay

Trong trường hợp với di sản kiến trúc Pháp ở Huế ngoại trừ ba công trình đã được công nhận là di tích: trường Quốc Học, Trường Cao đẳng công nghiệp và nhà máy nước Vạn Niên đã được xếp hạng là di tích lịch sử hiện đang thuộc sự quản lý của sở văn hóa thể thao thì các công trình còn lại hiện chưa có cơ quan chịu trách nhiệm quản lý cụ thể. Đứng trước nguy cơ nhiều công trình kiến trúc Pháp có giá trị bị hư hỏng và thay đổi công năng theo thời gian, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ra công văn số 862/UBND-XD về việc kiểm đến các công trình kiến trúc Pháp còn lại trên địa bàn thành phố Huế, sở xây dựng có công văn số 342/SXD-

PTDT&HTKT về việc đề nghị cơ quan chủ quản lý, sử dụng công trình kiến trúc Pháp báo cáo cụ thể các nội dung liên quan về công trình mình đang quản lý sử dụng (CV 342/SXD-PTDT&HTKT).

3.1.2.2. Y kiến các bên liên quan về tình trạng quản lý, khai thác di sản kiến trúc Pháp trên địa bàn thành phố Huế

Chính quyền địa phương

Cộng đồng cư dân địa phương

Công ty du lịch

Khách du lịch

3.1.3. Những vấn đề tồn tại về sự tham gia của các bên liên quan trong khai thác di sản kiến trúc Pháp phục vụ phát triển du lịch

3.1.3.1.Sự khác nhau về mối quan tâm và mục tiêu của các bên liên quan đối với khai thác di sản kiến trúc Pháp

Các mục tiêu và lợi ích khác nhau của BLQ phản ánh ba sở thích đối với sự phát triển của di sản đô thị này: tái phát triển, thích ứng chức năng và bảo tồn. Do tình trạng xuống cấp hiện tại của DSP cũng như thay đổi mục đích sự dụng, cần có kế hoạch dài hạn dành cho việc bảo tồn

3.1.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hợp tác của các bên liên quan

Nhìn chung, nghiên cứu đã phát hiện ra rằng quá trình thiết lập hiệu quả sự hợp tác giữa BLQ đến du lịch di sản là một điều quan trọng được BLQ nhận ra. Thiếu sự hợp tác không chỉ ảnh hưởng đến sự hợp tác và phát triển du lịch sinh thái bền vững mà còn góp phần vào nhiều thách thức khác của phát triển du lịch di sản bền vững như sự tham gia của BLQ, lãnh đạo, phối hợp và trao quyền (Cole, 1999; Honey, 2008; Moscardo, 2008; Stronza & Gordillo, 2008; Timothy, 1999; Tosun & Timothy, 2003).

3.1.4. Vai trò của các bên liên quan trong khai thác di sản kiến trúc Pháp

Hiện nay họ chỉ mới dừng lại ở việc có chính sách bảo tồn các DSP được xét công nhận là di tích hoặc có một số hành động pháp lý cơ bản như xây dựng bản đồ quy hoạch dọc sông Hương, lập danh sách một số công trình KTP nổi bật có mặt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Tuy nhiên, để có cái nhìn toàn cảnh và hành động tổng thể thì hiện nay đối với di sản này vẫn chưa có các quyết sách cụ thể. Về phía khách du lịch và người dân đều bày tỏ sự hiểu biết hạn chế của bản thân vào công tác quản lý và khai thác cũng như sự tham của mình hiện nay đối với công tác này.

Ngược lại với thực tế về sự tham gia của BLQ về thực trạng khai thác các công trình KTP. Câu hỏi về vai trò của mỗi bên khi đưa DSP vào khai thác và quản lý. Để trả lời câu hỏi tập trung vào việc đánh giá sự hiểu biết của những người tham gia nghiên cứu về khái niệm thu hút vai trò BLQ, các chủ đề chính nổi lên là sự đóng góp vào nền kinh tế địa phương, tôn

trọng và bảo vệ di sản, quảng bá di sản, sản phẩm di sản, phân bố nguồn lực…như thể hiện trong (Hình 3.3). Kiến thức của những người tham gia nghiên cứu về khái niệm này cho thấy họ hiểu vai trò của mình. Hầu hết những người tham gia nghiên cứu mô tả sự tham gia của BLQ bao gồm chính quyền địa phương, công ty du lịch, khách du lịch và cộng đồng cư dân địa phương là quan trọng.

3.2. Nhu cầu thị trường đối với sản phẩm du lịch gắn liền với di sản kiến trúc Pháp

3.2.1. Thông tin cơ bản mẫu điều tra

Việc điều tra du khách được thực hiện bằng bảng hỏi để phỏng vấn trực tiếp du khách (quốc tế và nội địa) đến các di tích lựa chọn nêu trên trong thời gian từ tháng 8 năm 2024 đến tháng 2 năm 2025.

3.2.2. Phân loại thị trường du khách theo động cơ chuyến đi

Tỉ lệ du khách đế Huế với động cơ chung về du lịch di sản cũng khá cao: chỉ đơn thuần cho biết (22.0% người trả lời), và check-in/chụp ảnh di tích (21.2%). Kiểm định thống kê cũng cho thấy có sự khác nhau giữa du khách quốc tế và nội địa về động cơ đến di sản Huế (Pearson $\chi 2$ 2-tailed = 0,002). Những thông tin này có thể được lý giải từ cả hai phía: cung và cầu. Về phía cung đó là các vấn đề liên quan đến nhận thức và sự quan tâm chưa đúng mức đối với các DSP tại Huế trong mối liên hệ với di sản Huế, chính sách phát triển sản phẩm điểm đến và chiến lược sản phẩm của các doanh nghiệp lữ hành, và theo đó là chiến lược xúc tiến quảng bá... Các vấn đề này cũng là một phương diện có thể giải thích cho mức độ nhận biết và từ đó là nhu cầu còn khá hạn chế của một bộ phận thị trường đối với các sản phẩm du lịch gắn với các DSP tại Huế.

3.3. Đánh giá của du khách đối với các di sản kiến trúc Pháp

Khảo sát ý kiến đánh giá của du khách biết về các DSP nổi trội tại Huế cho thấy tất cả 10 di sản nổi trội liệt kê đều được du khách đánh giá có tính hấp dẫn, với giá trị trung bình (GTTB) từ 3.95 trở lên. Trong đó, Trường Quốc học Huế được du khách đánh giá cao nhất (GTTB = 4,28). Tiếp đến là các di tích: Nhà thờ Phanxico, Bia Quốc học, Bảo tàng Điêm Phùng Thị

3.4.Thực trạng khai thác di sản kiến trúc Pháp ở Huế

3.4.1. Đặc điểm thị trường và sản phẩm chính của các công ty lữ hành tham gia khảo sát

Trong nghiên cứu này, số liệu đã cho thấy phần lớn các công ty lữ hành tập trung hoạt động chủ yếu trên thị trường nội địa, chiếm tỷ lệ lên đến 57,7%. Bên cạnh đó, thị trường quốc tế được các công ty lữ hành ưu tiên khai thác nhiều nhất là khu vực Đông Nam Á với tỷ trọng 26,6%. Đây là khu vực có lợi thế về vị trí địa lý, văn hóa tương đồng và chi phí đi lại thấp, phù hợp với chiến lược mở rộng của các công ty. Thị trường khách du lịch Châu Âu

được xem là một thị trường vẫn còn ít chú trọng khai thác chiếm 22.63%. Đây là cơ hội để xây dựng các sản phẩm du lịch DSP ở Huế nhằm đa dạng hóa sản phẩm đến các công ty giúp tăng cường mở rộng tỷ lệ thị trường khách ở khu vực này. Cuối cùng các thị trường như Bắc và Đông Bắc Á, Mỹ - Canada và Úc - New Zealand tuy có tỷ trọng thấp hơn (từ 11,6% đến 15,13%) nhưng vẫn được một số công ty lữ hành khai thác.

3.4.2. Đánh giá của các công ty lữ hành về tiềm năng khai thác các di sản kiến trúc Pháp phục vụ phát triển du lịch ở Huế

3.4.2.1.Đánh giá của các công ty lữ hành về tiềm năng của di sản kiến trúc Pháp phục vụ phát triển du lịch

Có thể thấy việc phát triển sản phẩm du lịch dựa trên DSP cần được tiếp cận một cách toàn diện, vừa tập trung khai thác các điểm đến đã có sức hút như Trường Quốc học Huế, Nhà thờ Phanxico, vừa phải có chiến lược quảng bá, nâng cao nhận thức cho các di sản còn ít được biết đến. Sự kết hợp hài hòa giữa bảo tồn giá trị văn hóa – lịch sử và đổi mới sáng tạo trong sản phẩm, dịch vụ du lịch sẽ góp phần thúc đẩy phát triển bền vững ngành du lịch, đồng thời gìn giữ bản sắc văn hóa quý giá của các DSP.

3.4.2.2. Đánh giá của các công ty lữ hành về tiềm năng của di sản kiến trúc Pháp phục vụ phát triển du lịch

Tổng thể, kết quả khảo sát phản ánh rõ sự đánh giá cao về giá trị văn hóa, lịch sử và kiến trúc trong các tour DSP, đồng thời cho thấy xu hướng quan tâm ngày càng tăng đối với việc ứng dụng công nghệ số để nâng cao trải nghiệm du khách tại Huế

Khi xây dựng một sản phẩm du lịch, bên cạnh về độ dài tour, khả năng chi trả còn một yếu tố rất quan trọng là các dịch vụ bổ sung nhằm đa dạng hóa trải nghiệm của du khách. Đối với sản phẩm DSP ở Huế, theo số liệu khảo sát

Số liệu khảo sát cho thấy các dịch vụ bổ trợ đóng vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao trải nghiệm khách hàng khi tham gia tour KTP. Cụ thể, dịch vụ "Thuyết minh diễn dịch theo yêu cầu" có mức điểm trung bình (GTTB) cao nhất là 3.83, với 83.3% người tham gia đánh giá dịch vụ này ở mức "Quan trọng". Điều này phản ánh nhu cầu lớn của khách hàng về việc hiểu rõ hơn, sâu sắc hơn về các giá trị kiến trúc và lịch sử thông qua lời giải thích chi tiết và phù hợp với mong muốn cá nhân.

Dịch vụ "Hướng dẫn viên tại chỗ" cũng nhận được đánh giá là yếu tố khá quan trọng trong các tour du lịch kết nối các DSP, với điểm trung bình 3.71, trong đó có tới 70.8% đánh giá là "Quan trọng". Điều này cho thấy vai trò không thể thiếu của hướng dẫn viên trực tiếp tại các điểm tham quan, giúp khách hàng có trải nghiệm trực quan, sinh động và đầy đủ thông tin hơn.

3.4.2.3. Đề xuất độ dài tour và giá tour du lịch các di sản kiến trúc Pháp

Số liệu về độ dài tour đề xuất cho thấy sự khác biệt rõ rệt trong ưu tiên giữa hai nhóm khách hàng: du khách và doanh nghiệp. Du khách có xu hướng ưa chuộng các tour có thời gian vừa phải, đặc biệt là tour 1 ngày với tỷ lệ 37,1%, tiếp theo là tour 2 ngày (29,3%) và tour trên 2 ngày (18,9%). Điều này phản ánh nhu cầu của du khách muốn có trải nghiệm phong phú trong khoảng thời gian hợp lý, vừa đủ để khám phá nhưng không quá dài gây mệt mỏi. Ngược lại, doanh nghiệp cho thấy có sự đa dạng về độ dài thời gian của các tour, với 33,3% chọn tour 2 ngày và 29,2% chọn tour nửa ngày, trong khi chỉ có 20,8% chọn tour 1 ngày. Tour trên 2 ngày nhận được ít sự quan tâm hơn từ cả hai nhóm, dù du khách vẫn có xu hướng lựa chọn nhiều hơn doanh nghiệp. Nhìn chung, sự khác biệt này cho thấy việc thiết kế tour cần linh hoạt, dựa trên đặc điểm và nhu cầu của từng nhóm khách hàng để có thể gia tăng cơ hội lựa chọn trải nghiệm cho du khách

CHƯƠNG 4: THẢO LUẬN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, GỢI Ý CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

4.1. Thảo luận kết quả nghiên cứu

4.1.1. Sự hợp tác giữa các bên liên quan trong quá trình khai thác di sản

Đầu tiên, việc quản lý và khai thác di sản đô thị với các quy trình hợp tác đòi hỏi phải cùng nhau xác định và/hoặc nhận đinh về di sản. Quy trình này phải tạo cơ hội cho BLQ xác định và hiểu các giá trị di sản

Thứ hai, quá trình quản lý di sản cần xem xét mối quan hệ giữa BLQ. Kết quả nghiên cứu đã chứng minh có sự thiếu cơ chế tham gia giữa BLQ trong quản lý DSP ở Huế. Quản lý và khai thác hợp tác về di sản đô thị phải xem xét đến các mối quan hệ quyền lực phổ biến có thể ngăn cản sự tham gia của BLQ và làm gia tăng căng thẳng giữa BLQ. Kết quả của nghiên cứu này chứng minh sự chênh lệch quyền lực giữa BLQ trong quản lý di sản.

4.1.2.Vấn đề quản lý và bảo tồn các di sản kiến trúc Pháp

Qua khảo sát và phỏng vấn, nhiều DSP đang đứng trước nguy cơ mai một hoặc bỏ hoang vì nhiều lý do khách quan và chủ quan khác nhau. Tuy nhiên, trong trường hợp DSP dường như đang nằm ngoài quá trình quản lý này. Xét từ góc độ quản lý di sản, đến nay vẫn còn thiếu các nghiên cứu làm cơ sở tích cực cho quá trình bảo tồn DSP. Chính sách cốt lõi là Luật di sản văn hóa (2024) của Việt Nam, với các nguyên tắc: ưu tiên bảo vệ, chú trọng cứu nguy, sử dụng hợp lý và quản lý chặt chẽ.

4.1.3. Phân loại khách du lịch di sản

Việc áp dụng mô hình phân loại năm nhóm khách du lịch văn hóa của McKercher và du Cros vào bối cảnh DSP tại Huế cho thấy rằng nguồn tài nguyên này có khả năng đáp ứng nhu cầu đa dạng của những phân khúc khách khác nhau, vốn được phân biệt bởi mức độ trung tâm của động cơ văn hóa trong quyết định du lịch và độ sâu trải nghiệm mà họ tìm kiếm. Đối với nhóm khách du lịch văn hóa mục đích (purposeful cultural tourists), KTP đóng vai trò động lực chính để họ đến Huế; do vậy, họ đòi hỏi các sản phẩm chuyên sâu về lịch sử thuộc địa, quá trình hiện đại hóa đô thị, cũng như các giá trị kiến trúc – nghệ thuật của từng công trình. Ngược lại, nhóm khách tham quan (sightseeing cultural tourists), mặc dù đánh giá cao giá trị văn hóa của KTP, thường chỉ tiếp cận ở mức độ nông và mang tính thị giác, chủ yếu thông qua tham quan, chụp ảnh hoặc các trải nghiệm dễ tiếp cận. Sự đa dạng này nhấn mạnh yêu cầu phát triển các sản phẩm du lịch khác biệt hóa theo chiều sâu trải nghiệm, từ các tour chuyên đề dành cho khách mục đích đến các sản phẩm diễn giải sinh động, trực quan và dễ tiếp cận cho nhóm khách ít quan tâm.

4.2.Các hàm ý và khuyến nghị nhằm tăng cường quá trình hợp tác giữa các bên liên quan trong khai thác du lịch di sản

4.2.1. Quan điểm định hướng và mục tiêu phát triển du lịch ở Huế

4.2.1.1. Quan điểm định hướng

Định hướng phát triển du lịch của thành phố Huế được xác lập trên nguyên tắc gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế – xã hội với bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

4.2.1.2. Mục tiêu phát triển sản phẩm điểm đến của thành phố Huế

Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch của Huế tập trung vào việc xây dựng hệ sinh thái du lịch mang đậm bản sắc cố đô, lấy di sản làm trung tâm.

4.2.1.3. Cơ chế khuyến khích, kêu gọi vốn đầu tư cho phát triển sản phẩm điểm đến Huế

Các cơ chế khuyến khích đầu tư, đặc biệt là mô hình hợp tác công – tư (PPP), được đẩy mạnh trong phát triển hạ tầng, bảo tồn di tích và các khu, điểm du lịch trọng điểm. Đồng thời, tỉnh khuyến khích xã hội hóa nguồn lực trong bảo tồn và khai thác di sản, tăng cường sự tham gia của cộng đồng và doanh nghiệp, góp phần hướng tới phát triển du lịch Huế theo hướng bền vững, hài hòa giữa bảo tồn di sản và tăng trưởng kinh tế.

4.2.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và khung pháp lý hỗ trợ khai thác các DSP

4.2.2.1. Lập danh sách bảo tồn và phục hồi các công trình kiến trúc Pháp

- Lập danh sách bảo tồn và phục hồi các công trình kiến trúc Pháp
- Thành lập các hiệp hội hoặc cơ quan quản lý di sản kiến trúc Pháp

4.2.2.2. Hoàn thiện các quy hoạch tổng thể về phát triển du lịch di sản gắn với các DSP

- Khai thác gắn với bảo tồn, coi DSP là tài sản cho mọi hoạt động khai thác
- Quy hoạch và khai thác DSP cần được xây dựng trên cơ sở tiếp cận liên ngành
- Cần có chiến lược và quy trình cụ thể gắn với phát triển bền vững

4.2.2.3. Số hóa tài nguyên du lịch di sản nói chung và đặc biệt là DSP ở Huế

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số tập trung giúp các cơ quan quản lý liên ngành của địa phương có công cụ hiệu quả để hợp tác quản lý, giám sát và đánh giá tình trạng di sản và tài nguyên du lịch
- Phân luồng khách và hạn chế quá tải mùa cao điểm thông qua hệ thống dữ liệu
- Số hóa giúp tăng khả năng tiếp cận thông tin và ứng dụng sản phẩm

du lịch thông minh

4.2.3. Nhóm giải pháp liên kết các bên liên quan trong quản lý và khai thác di sản kiến trúc Pháp

4.2.3.1. Tạo lập quan hệ đối tác giữa BLQ

4.2.3.2. Thành lập các hiệp hội hoặc cơ quan quản lý di sản kiến trúc Pháp

4.2.3.3. Cơ chế chính sách rõ ràng để thúc đẩy hợp tác công – tư trong quản lý các DSP phục vụ phát triển du lịch ở Huế

4.2.3.4. Đảm bảo phân phối công bằng lợi ích và thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng địa phương

4.2.3.5. Xác định du khách là một bên liên quan hợp pháp

4.2.4. Nhóm giải pháp liên quan đến phát triển sản phẩm di sản kiến trúc Pháp

4.2.4.1. Nhóm giải pháp liên quan đến xây dựng sản phẩm du lịch di sản

4.2.4.2. Chiến lược kết hợp giữa trải nghiệm thực địa và chuyển đổi số

4.2.4.3. Giải pháp thiết kế độ dài và chính sách giá sản phẩm du lịch di sản kiến trúc Pháp

4.2.4.4. Chú trọng cải thiện công tác thuyết minh, diễn dịch cho các sản phẩm dựa trên di sản kiến trúc Pháp

4.2.4.5. Chiến lược marketing và củng cố hình ảnh điểm đến

PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1.Kết luận

Về mặt lý thuyết, thứ nhất, nghiên cứu chỉ ra rằng phân quyền quản trị, năng lực điều hành và cơ chế chịu trách nhiệm của các chủ thể liên quan đóng vai trò chủ đạo đối với thành công hay thất bại của hệ thống quản lý khai thác các di sản PTDL. Sự thiếu tập trung trong điều hành dẫn đến việc các quyết định về bảo tồn –quản lý và khai thác còn phân tán, thiếu thống nhất. Việc áp dụng lý thuyết BLQ trong nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết phải mở rộng và áp dụng mô hình quản trị hợp lý với các bối cảnh quản lý khác nhau để phân tích sâu các trường hợp cụ thể. Điều này không chỉ giúp xác lập rõ phân quyền và vai trò của BLQ trong quản lý khai thác di sản, mà còn góp phần hình thành cơ sở cho những đề xuất cải thiện mô hình điều hành trong tương lai.

Nghiên cứu khẳng định rằng việc phát triển sản phẩm du lịch di sản không thể tách rời phân tích nhu cầu thị trường. Trong bối cảnh nhu cầu du lịch đang thay đổi mạnh mẽ, việc xem xét thị trường tiềm năng trở nên cấp thiết để xác định đúng đối tượng khách hàng, xu hướng tiêu dùng văn hóa, nhận diện thị trường khách văn hóa cũng như mức độ sẵn sàng chi trả đối với sản phẩm DSP. Tuy nhiên, du lịch di sản như là một loại hình của du lịch văn hóa có những đặc thù đòi hỏi việc nghiên cứu phân đoạn thị trường cần xác định cách tiếp cận hợp lý để có thể nhận diện và phân loại nhu cầu của thị trường. Với việc nhận thức rõ các vấn đề đặc thù trong phân tích cầu du lịch văn hóa, kết hợp phân tích các quan điểm phân đoạn thị trường, nghiên cứu này lựa chọn phương pháp phân đoạn nhu cầu thị trường du lịch văn hóa dựa trên mức độ động cơ học hỏi khám phá. Kết quả nghiên cứu đã cung cấp thêm bằng chứng củng cố quan điểm phân đoạn nêu trên. nghiên cứu cung cấp cơ sở để các chủ thể liên quan định hình chiến lược thị trường theo hướng bền vững và phù hợp với kỳ vọng của từng nhóm khách.

Cuối cùng, nghiên cứu nhấn mạnh ý nghĩa của việc đưa mô hình quản trị đa chủ thể dựa trên quan điểm trọng dịch vụ và đồng sáng tạo giá trị trong quá trình khai thác di sản PTDL.

Về mặt thực tiễn đặt trong bối cảnh nhiều giá trị của DSP ở Huế dần bị quên lãng và thay đổi mục đích sử dụng nghiên cứu làm sáng tỏ thực trạng nhận thức và mức độ quan tâm còn hạn chế từ BLQ. Thông qua lý thuyết ký ức tập thể Sự suy giảm này không chỉ xuất phát từ yếu tố thời gian, mà còn từ việc thiếu vắng một chiến lược truyền thông – giáo dục cộng đồng đủ mạnh để khơi dậy giá trị thực sự của di sản. Do vậy, đóng góp của nghiên cứu nằm ở việc nhấn mạnh vai trò của các cơ chế nâng cao nhận thức, xem chúng như điều kiện tiên quyết để hoạt động bảo tồn và khai thác bền vững có thể diễn ra hiệu quả.

2. Những đóng góp mới của luận án

➢ ***Về mặt lý luận***

• *Thứ nhất*, nhận thức rõ tính phức hợp và đa diện của vấn đề, nghiên cứu này đề xuất mô hình quản lý, khai thác các di sản PTDL mang tính chỉnh hợp, đảm bảo tạo hợp lực trong liên kết, hợp tác dựa trên sự minh bạch về sự phối hợp, trách nhiệm và lợi ích của BLQ.

• *Thứ hai*, Nghiên cứu này vận dụng một cách hợp lý các kỹ thuật nghiên cứu định tính và định lượng để thu nhận thông tin đa diện và phân tích trong mối liên hệ tương tác lẫn nhau. Do vậy, nghiên cứu này đã cung cấp minh chứng có ý nghĩa về mặt phương pháp luận có giá trị tham chiếu cho những nghiên cứu tiếp theo trong lĩnh vực này.

➢ *Thứ ba*, luận án khẳng định tính thiết yếu của việc phân loại thị trường khách du lịch văn hóa nói chung và khách du lịch di sản nói riêng, trên cơ sở đó để nhận diện thị trường khách du lịch di sản theo từng nhóm động cơ, làm cơ sở cho việc hoạch định và triển khai thực hiện một cách khoa học và hợp lý các chiến lược và hoạt động marketing.

➢ ***Về phương diện thực tiễn***

• *Thứ nhất,* về bản chất các vấn đề về khai thác di sản PTDL mang tính đa diện và tương tác lẫn nhau, nên việc xác định rõ vai trò chủ đạo của các bên trong việc quản lý, khai thác, sử dụng là rất quan trọng. Trên thực tế nếu chỉ quan tâm đến khía cạnh quản lý và bảo tồn thì việc điều phối các chức năng quản trị là khá rõ ràng cả về chủ thể và đối tượng quản lý, nhờ đó, các tồn đọng và thách thức đối với di sản có thể dễ nhận diện và giải quyết hơn.

• *Thứ hai,* các kết quả của nghiên cứu sẽ cung cấp cơ sở dữ liệu khoa học giúp cho các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý và doanh nghiệp xây dựng, lồng ghép và tích hợp các chương trình và kế hoạch khai thác hợp lý các DSP trong các chiến lược phát triển điểm đến du lịch Huế.

• *Thứ ba*, các kết quả nghiên cứu của luận án sẽ là nguồn thông tin tham khảo cho các doanh nghiệp lữ hành và BLQ trong xây dựng sản phẩm du lịch theo hướng đa dạng hóa lựa chọn và đa dạng hóa trải nghiệm cho du khách, góp phần hiện thực hóa các mục tiêu gia tăng thời gian lưu trú, mức chi tiêu, gia tăng trải nghiệm và sự hài lòng cho khách du lịch khi đến với Huế.

3. Hạn chế của luận án và một số hướng nghiên cứu tiếp theo

Trước hết về mặt phương pháp, nghiên cứu này lựa chọn phương pháp nghiên cứu tình huống điển hình trong phương pháp nghiên cứu định tính. Nghiên cứu trường hợp điển hình (case study) là một phương pháp đặc biệt phù hợp khi nhà nghiên cứu cần hiểu sâu một hiện tượng đương đại trong bối cảnh thực tế**.** Tuy nhiên, nghiên cứu chỉ mới dừng lại ở KTP ở Huế mà chưa có sự mở rộng so sánh các mô hình quản trị tại các điểm đến khác.

Thứ hai, một điểm hạn chế tiếp theo của nghiên cứu trong quá trình điều tra khảo sát đối tượng khảo sát là sinh viên chiếm một tỷ lệ nhiều hơn so với các nhóm nghề nghiệp khác, điều này ít nhiều ảnh hưởng đến nhận thức của người trả lời liên quan đến các yếu tố về giá trị trải nghiệm và khả năng chi trả cho sản phẩm du lịch.

Thứ ba, mô hình quản lý được xây dựng dựa trên bối cảnh nghiên cứu cụ thể là khai thác DSP phục vụ phát triển du lịch ở Huế, do vậy việc vận dụng mô hình trong các bối cảnh nghiên cứu có sự khác biệt về điều kiện phân cấp quản lý di sản ở những mức độ phạm vi khác nhau cần có những quan tâm xem xét cụ thể, tránh việc khái quát hóa và suy rộng mô hình. Hay nói cách khác, mô hình đề xuất trong nghiên cứu này đặt cơ sở cho việc triển khai các nghiên cứu tiếp theo trong lĩnh vực này

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

1. Nguyễn Vũ Quỳnh Thi (2025). Phát triển loại hình du lịch di sản đối với các công trình kiến trúc Pháp ở Huế, *Tạp chí văn hóa nghệ thuật, 5*, ISSN: 0866 – 8655.

2. Nguyễn Vũ Quỳnh Thi (2025). Bài học kinh nghiệm xây dựng sản phẩm du lịch di sản: Nghiên cứu trường hợp kiến trúc Pháp ở Huế, *Tạp chí kinh tế và dự báo, 15,* ISSN: 1859 – 4972.

3. Nguyễn Vũ Quỳnh Thi (2025). Từ di sản kiến trúc Pháp đến sản phẩm du lịch: Đánh giá của các công ty lữ hành tại thành phố Huế:, *Tạp chí kinh tế - tài chính, (12),* ISSN: 3093 – 3390.

4. Nguyễn Vũ Quỳnh Thi (2025). Cách thức tiếp cận di sản kiến trúc Pháp của du khách tại Huế: Đánh giá và định hướng phát triển, *Tạp chí kinh tế và dự báo, 8,* ISSN: 1859 – 4972

5. Nguyen Vu Quynh Thi & Mai Le Quyen (2025). Exploring the value of French architecture hertage for tourism development in Hue: the local community's perspective, *Hue university journal of science: economics and development, 134,* 141 – 162, ISSN: 2588 - 1205